

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2018/DS-PT

Ngày: 04-10-2018

V/v Tranh chấp về dân sự - hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20/9/2018 và ngày 04/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLPT-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2018/QĐ-PT, ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Văn L, sinh năm 1967

Địa chỉ: đường Lê Đại H, khóm M, phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1954; địa chỉ: khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Bị đơn: Trần Thị C, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: rạch Nàng H, khóm Tân A, phường An H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn L trình bày:

Vào ngày 13/01/2015, ông L có cho bà C vay số tiền 1.100.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 10/3/2015, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/ tháng, mục đích vay để bà C làm việc riêng, bà C có viết biên nhận. Từ khi vay đến nay bà C chưa có trả vốn lãi cho ông L.

Nay ông Phan Văn L yêu cầu bà Trần Thị C trả số tiền vốn vay là 1.100.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 11/3/2015 đến ngày 11/6/2018 là 39 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 356.070.000đồng.

Ông L xác định do bà C vay tiền sử dụng riêng nên ông L không yêu cầu ai liên đới trả nợ cùng với bà C, kể cả ông Nguyễn Tấn L1 (là chồng chưa đăng ký kết hôn với bà C). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đối với việc bà C cho rằng khoản vay 1.100.000.000đ này nằm trong số tiền 2.600.000.000đ mà bà nhờ ông L vay ngân hàng thông qua công ty TPS, ông L không đồng ý. Theo ông L trình bày: Vào ngày 10/11/2014, bà C có cam kết dùng tài sản là quyền sử dụng của bà C để bảo lãnh cho công ty Cổ phần thiết bị giáo dục TPS (viết tắt là công ty TPS) vay vốn từ bà C số tiền 3.338.000.000đ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam, chi nhánh Bình Dương. Sau khi công ty TPS vay được tiền, ông L đã giao cho bà C số tiền 2.500.000.000đ và bà C có làm biên nhận ngày 18/11/2014 số tiền 1.000.000.000đ, biên nhận ngày 13/01/2015 số tiền 1.500.000.000đ và trong hai biên nhận này nội dung thể hiện rõ việc bà C nhận tiền vay ngân hàng. Số tiền còn lại công ty TPS giữ lại để đóng lãi hàng tháng cho bà C. Hiện nay Ngân hàng đã có đơn khởi kiện công ty TPS tại Tòa án Long Xuyên trong đó có số tiền 3.338.000.000đ bà C nhờ ông L vay thông qua công ty TPS. Ông L xác định khoản vay 1.100.000.000đ không liên quan đến số tiền mà bà C nhờ công ty TPS vay vốn, đây là giao dịch giữa cá nhân ông L với cá nhân bà C.

Đối với việc bà C cho rằng trong số tiền 1.100.000.000đ có khoản tiền 300.000.000đ mà ông L hùn vốn làm ăn với ông L1, ông L không đồng ý vì đây là thỏa thuận hùn vốn làm ăn giữa công ty Nguyễn H do ông L đại diện với công

ty Thành Lập do ông L1 đại diện, không liên quan gì đến số tiền ông L cho bà C vay.

Đối với số tiền 345.000.000đồng, ông L xác định đây là giao dịch làm ăn giữa ông L với ông L1. Đồng thời ông L1 cũng chưa trả số tiền này cho ông L và ông L cũng chưa có căn trừ vào khoản nợ của bà C.

Bị đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà C thừa nhận vào ngày 13/01/2015, bà C có viết biên nhận nội dung mượn của ông L số tiền 1.100.000.000đ. Nhưng thực tế ông L không có giao tiền cho bà C.

Theo bà C trình bày thì số tiền 1.100.000.000đ này nằm trong số tiền hơn 3.000.000.000đ mà trước đó vào ngày 10/11/2014, bà C có làm cam kết nhờ ông L vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam, chi nhánh Bình Dương và có thể chấp quyền sử dụng đất của bà C thông qua công ty TPS. Ông L đã cộng các chi phí thẩm định, huê hồng khi vay vốn ngân hàng, số tiền 300.000.000đ mà ông L hùn làm ăn với ông L1 và yêu cầu bà viết biên nhận 1.100.000.000đ, nhưng thực tế ông L không có giao tiền cho bà C. Bà C cho rằng số tiền 1.100.000.000đ nằm trong khoản vay 2.600.000.000đ theo xác nhận ngày 13/01/2015 mà bà đã nhờ ông L vay và ông L đã đưa cho bà C được 2.500.000.000đ vào ngày 18/11/2014 (số tiền 1.000.000.000đ và ngày 13/01/2015 số tiền 1.500.000.000đ). Vì vậy, vào ngày 13/01/2015 bà C có yêu cầu ông L viết xác nhận bà C còn nợ ông L 2.600.000.000đ (trong đó có khoản tiền 1.100.000.000đ ngày 13/01/2015) và tất cả các biên nhận liên quan nợ trước hủy bỏ. Theo bà C thì tất cả các biên nhận liên quan nợ trước hủy bỏ bao gồm: biên nhận 1.000.000.000đ ngày 18/11/2014, biên nhận 1.100.000.000đ ngày 13/01/2015 và biên nhận 1.500.000.000đ ngày 13/01/2015.

Nay bà C không đồng ý trả cho ông L đối với số tiền vốn vay 1.100.000.000đ và tiền lãi là 356.070.000đ vì bà C không có vay tiền của ông L.

Đối với số tiền 300.000.000đ mà ông L hùn làm ăn với ông L1 và khi viết biên nhận 1.100.000.000đ, ông L có cộng số tiền trên. Phía bà C không có yêu cầu gì đối ông L1. Đó là thỏa thuận làm ăn giữa ông L và ông L1, không liên quan đến bà C, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông L và ông L1 tự giải quyết.

Đối với số tiền 345.000.000đ, bà C xác định không liên quan gì đến số tiền 1.100.000.000đ, bà C không yêu cầu giải quyết. Đó là giao dịch làm ăn giữa

ông L và ông L1. Ông L cũng chưa có căn trừ số tiền trên vào khoản nợ 1.100.000.000đ.

Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn L về việc yêu cầu bà Trần Thị C trả nợ.

Buộc bà Trần Thị C trả cho ông Phan Văn L số tiền vốn vay là 1.100.000.000đ và tiền lãi là 356.070.00đ. Tổng cộng vốn, lãi là 1.456.070.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị C được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phan Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01143, ngày 12/10/2017 và biên lai thu số 0004626 ngày 25/6/2018 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2018 bị đơn Trần Thị C kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Bà Trần Thị C yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại nội dung vụ án, bà C không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà C giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông L như án sơ thẩm đã xử, bà C yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại biên nhận này và xử không chấp nhận yêu cầu của ông L.

Phía bị đơn Phan Văn L giữ nguyên ý kiến theo nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử y như án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong giai đoạn sơ thẩm bà C cho rằng Biên nhận bà viết, ký tên 1,1 tỷ ngày 13/01/2015 chính là Biên nhận 1 tỷ ngày 18/11/2014, số tiền này là khoản tiền nhờ Công ty ông L vay dùm ở Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, ông L có cộng thêm chi phí, huê hồng vay và khoản tiền 300.000.000đ ông L hùn làm ăn với ông L1, đến ngày 13/1/2015 ông L cộng thêm tiền lãi 100 triệu yêu cầu bà C viết lại biên nhận thành 1,1 tỷ và cũng trong ngày 13/1/2015 ông L có kêu bà viết biên nhận 1,5 tỷ cho ông, để ông chuyển khoản số tiền 1,5 tỷ vay dùm cho bà C, sau đó bà C kêu ông L viết giấy xác nhận tổng nợ bà còn nợ ông L, cho nên ông L đã viết Giấy xác nhận ngay ngày 13/1/2015, trong giấy ông L ghi rõ hiện nay tính đến ngày 13/01/2015 bà C có nợ 02 khoản nợ có làm biên nhận: 1.100.000.000đ và 1.500.000.000đ; tổng cộng 2.600.000.000đ, tất cả các biên nhận nợ trước liên quan hủy bỏ. Bà C khẳng định không có mượn nợ riêng của ông L 1,1 tỷ như ông L kiện, nhưng bà C không có chứng cứ chứng minh cho lý lẽ của bà là có cơ sở xác thực.

[2]. Nhưng trong phần hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm bà C đã khai nhận là: Phần tiền bà C nhờ ông L vay dùm ở Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Sông Bé, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Ngân hàng Bình Dương), ông L có đưa cho bà lần đầu 600 triệu tiền mặt và chuyển khoản 400 triệu, bà có viết giấy biên nhận 1 tỷ ngày 18/11/2014 và ngày 13/01/2015 bà C có viết giấy biên nhận nhận 1,5 tỷ theo yêu cầu ông L, viết trước rồi ông L sẽ chuyển tiền qua tài khoản cho bà, nhưng sau đó ông L không chuyển, phần tiền vay này Ngân hàng kiện Công ty TPS của ông L, Tòa án Long Xuyên thụ lý, bà C tham gia là người liên quan, bà yêu cầu và Tòa án Long Xuyên đã chuyển vụ án sang cơ quan Công An tỉnh An Giang xem xét. Còn 1,1 tỷ bà C viết biên nhận ngày 13/01/2015 mà ông L đang kiện bà, thì đây là số tiền bà C nợ riêng ông L, gồm các khoản: 500 triệu ông L trả thay cho bà C tại Ngân hàng Sa Đéc (tỉnh Đồng Tháp) để lấy giấy tờ đất của bà C ra, ông L làm hồ sơ vay dùm bà ở Ngân hàng Bình Dương; khoản tiền ông L hùn làm ăn với ông L1 chồng bà C

300 triệu; các chi phí và huê hồng cho việc vay tiền dùm ở Ngân hàng Bình Dương khoản hơn 60 triệu và tiền lãi của các khoản tiền này cộng vào thành 1,1 tỷ, số tiền này không nằm chung trong khoản tiền nhờ vay dùm ở Ngân hàng, bà C giải thích trước đây bà nói 1,1 tỷ này có liên quan khoản tiền nhờ vay dùm Ngân hàng là vì bà hiểu rằng, bà có nhờ Công ty ông L vay dùm tiền Ngân hàng nên ông L mới dễ dàng cho bà mượn 500 triệu, ông L tự đem tiền nộp trả Ngân hàng Sa Đéc dùm bà và lấy giấy tờ đất thế chấp của bà ra, nên bà nghĩ là có liên quan với việc nhờ vay dùm ở Ngân hàng Bình Dương, nay bà C khẳng định số tiền 1,1 tỷ đồng theo biên nhận ngày 13/01/2015 là khoản tiền nợ riêng của bà C đối với ông L, không nằm trong khoản tiền vay được ở Ngân hàng Bình Dương.

[3]. Lời khẳng định của bà C nói trên hoàn toàn phù hợp với lý lẽ trình bày, chứng cứ kèm theo và yêu cầu khởi kiện của ông L là ông kiện đòi bà C tiền mượn riêng cá nhân ông 1,1 tỷ theo biên nhận ngày 13/01/2015 do bà C viết, ký tên, tiền này không liên quan đến khoản tiền bà C nhờ Công ty của ông vay dùm ở Ngân hàng Bình Dương; cũng như các giấy biên nhận bà C viết 1 tỷ ngày 18/11/2014 và 1,5 tỷ ngày 13/01/2015 ghi là tiền nhờ vay ngân hàng, còn 1,1 tỷ ngày 13/01/2015 ghi là mượn, là có sự phân biệt rất rạch ròi. Tuy bà C đề cập trong 1,1 tỷ có 300 triệu của ông L hùn làm ăn với ông L1 chồng bà C, ông L1 cũng có lời khai cho rằng số tiền 300.000.000đ này cũng đã được bà C ghi gộp chung vào biên nhận nợ 1,1 tỷ ngày 13/01/2015, nhưng ông L không thừa nhận và bà C, ông L1 đều không có chứng cứ chứng minh lý lẽ của ông bà là đúng và bà C, ông L1 đều có ý kiến chung là không yêu cầu xem xét xử lý chung trong vụ án này, sau này có tranh chấp thì giải quyết riêng giữa ông L1 với ông L, nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông L1, lời khai nại của bà C, mà được coi 1,1 tỷ theo biên nhận bà C viết, ký tên ngày 13/01/2015 là nợ của bà C đối với ông L, không liên quan ông L1, do vậy, yêu cầu của ông L đối với bà C là có cơ sở phù hợp.

[4]. Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật chấp nhận.

[5]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên cho thấy cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông L, buộc bà C trả cho ông L 1,1 tỷ tiền vốn và 356.070.000đ tiền lãi là phù hợp pháp luật; bà C kháng cáo đưa ra căn cứ và yêu cầu không có cơ sở pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo, phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định, nhưng do bà C có giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, nên được miễn nộp án phí.

[7]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 26/6/2018, của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu đòi tiền nợ vay của ông Phan Văn L đối với bà Trần Thị C. Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn L số tiền vay 1.100.000.000đ và tiền lãi 356.070.000đ, tổng cộng bằng 1.456.070.000đ (một tỷ, bốn trăm, năm mươi sáu triệu, không trăm, bảy mươi ngàn đồng) là chấm dứt nợ của biên nhận 1.100.000.000đ ngày 13/01/2015.

3. Kể từ ngày ông Phan Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Trần Thị C chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì bà C còn phải chịu lãi cho ông L theo mức lãi quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí:

+ Ông Phan Văn L không phải chịu tiền án phí, ông L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.380.000đ ngày 12/10/2017 theo biên lai số 01143 và 460.000đ nộp ngày 25/6/2018, theo biên lai số 0004626 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

+ Bà Trần Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Bà C được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ ngày 09/7/2018, theo biên lai số 0004661 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- CCTHADS thành phố Sa Đéc;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương